

QUY CHẾ
Công bố thông tin - Công ty cổ phần 397

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước
CHXHCN Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố
thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ
Quốc Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành
viên 397 thành công ty cổ phần;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022 của Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Theo đề nghị của Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà
nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng
khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở
giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở
Giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con;

Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK HN ban hành kèm theo

Quyết định số 606/QĐ- SGDCK HN ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Tổng giám đốc SGDCK HN;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX (CIMS);

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các cơ quan, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- Người công bố thông tin.

- Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức lao động, Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty

- Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

Công Ty Cổ Phần 397

- Công ty 397

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- UBCKNN

Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN

- IDS PRO

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- SGDCK/HNX

Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà

Nội - CIMS

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

- VSD

Thị trường Chứng khoán Việt Nam

- TTCKVN

Công bố thông tin

- CBTT

Hội đồng quản trị

- HĐQT

Ban Kiểm soát

- BKS

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty gồm:

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin

2. Ngày công bố thông tin:



Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin:

Là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

4. Bản scan văn bản dùng CBTT:

Phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

5. Dữ liệu điện tử dùng CBTT:

Là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

6. Người công bố thông tin:

Là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

7. Người có liên quan:

Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, gồm:

- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;

- Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

- Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư góp vốn hoặc thông qua quyết định của công ty;

- Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên;

- Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, cha chồng, cha vợ, mẹ đẻ, mẹ nuôi, mẹ chồng, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu cổ phần góp vốn hay cổ phần chi phối;

597
NG'
PH
39
TRIỆU

- Cá nhân là người đại diện theo uỷ quyền của công ty, tổ chức quy định tại điểm a, b và c khoản này;

- Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty;

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc góp vốn của doanh nghiệp đó;

- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.”.

8. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận:

Là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không

1
 AN
 T.0

bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.

(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

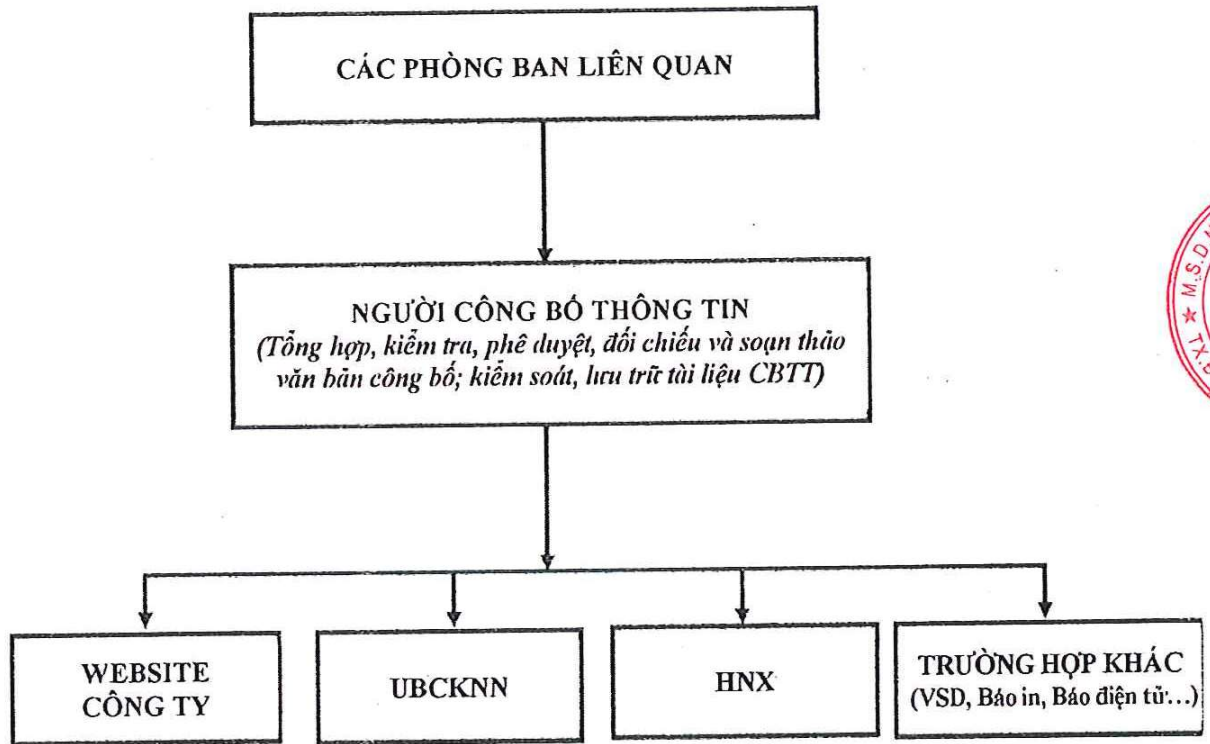


Chương II

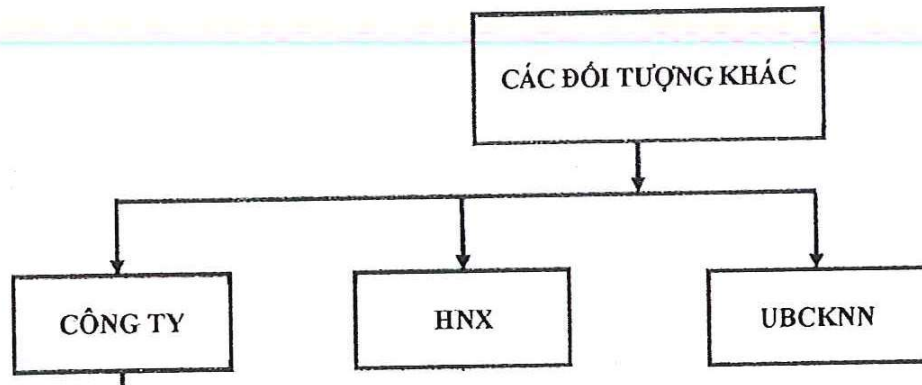
QUY TRÌNH VÀ NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

1. Áp dụng các tập thể, cá nhân quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các tập thể, cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 Quy chế này



IIII

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

III

WEBSITE
CÔNG TY

Ghi chú:

- Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX
- Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

15/11
CỔ
CỨ
3 TR

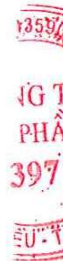
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các tập thể, cá nhân quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 2 Quy chế

này:

- a) Phòng Tài chính Kế toán : Phụ lục 1.1
- b) Phòng Tổ lao động : Phụ lục 1.2
- c) Người phụ trách quản trị kiêm thư ký CT : Phụ lục 1.3

2. Các tập thể, cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 của Quy chế này.



Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDC, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 18 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc, Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc ban Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua./.

Nơi nhận:

- UBCK, Sở GD&ĐT Hà Nội (b/cáo);
- Hội đồng quản trị (b/cáo);
- Giám đốc công ty (b/cáo);
- Trưởng BKS (b/cáo);
- Các cơ quan (t/hiện);
- Lưu: VP, TCLĐ; Tr05



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chính

